

Bài 1. **TẠO LẬP THẾ GIỚI (THẦN THOẠI)**

VĂN BẢN 1. THẦN TRỤ TRỜI

(Thần thoại Việt Nam)

1. Giới thiệu bài học

- Chủ đề *Tạo lập thế giới* bao gồm các văn bản thần thoại, cho thấy nhận thức của người xưa về quá trình tạo lập thế giới.
- Tên và thể loại của các VB đọc chính và VB đọc kết nối chủ đề:

Tên văn bản	Thể loại
Thần Trụ Trời	Thần thoại
Prô-mê-tê và loài người (Thần thoại Hy Lạp)	Thần thoại
Đi san mặt đất	Truyện
Cuộc tu bổ lại các giống vật	Thần thoại

2. Tri thức ngữ văn

2.1. Khái niệm

Thần thoại là một trong những thể loại truyện dân gian. Thần thoại kể về các vị thần, các nhân vật anh hùng, các nhân vật văn hóa; qua đó, phản ánh quan niệm của người thời cổ về nguồn gốc của thế giới và đời sống con người

2.2. Đặc điểm:

- **Không gian trong thần thoại** là không gian vũ trụ đang trong quá trình tạo lập, không xác định nơi cụ thể.
- **Thời gian trong thần thoại** là thời gian cổ sơ, không xác định và mang tính vĩnh hằng.
- **Cốt truyện thần thoại** thường là chuỗi sự kiện xoay quanh quá trình sáng tạo nên thế giới, con người và văn hóa của các nhân vật siêu nhiên.

- **Nhân vật trong thần thoại** thường là thần, có sức mạnh phi thường để thực hiện công việc sáng tạo thế giới và sáng tạo văn hóa.
- **Tính chỉnh thể của tác phẩm** là sự thống nhất, toàn vẹn của tác phẩm. Ở đó, mọi bộ phận, yếu tố, chi tiết,... đều có ý nghĩa và được gắn kết với nhau một cách chặt chẽ, nhất quán nhằm thể hiện tập trung, nổi bật chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.

Thần Trụ Trời

I. Tìm hiểu chung

1. Thần thoại Việt Nam

Những truyện thần thoại Việt Nam tiêu biểu gồm: Thần Trụ Trời, Thần Mưa, Thần Biển, Nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng, Sự tích lúa thần,... → Nữ thần Lúa.

2. VB *Thần Trụ Trời* và nhóm truyện lí giải về sự hình thành thế giới buổi ban đầu

- *Thần Trụ Trời* là VB Thần thoại Việt Nam, thuộc nhóm thần thoại về nguồn gốc vũ trụ và các hiện tượng tự nhiên.
- **Các dân tộc anh em khác trên đất nước Việt Nam cũng có nhiều truyện thú vị** lí giải về sự hình thành thế giới buổi ban đầu như vậy. Nếu người Thái có Then Luông, người Mông có Dự Nhung, người Dao có Thần Bàn Cổ, người Ê-đê có Ai Diê.....

3. Đọc, kể, tóm tắt

(HS tự tóm tắt)

- Tóm tắt quá trình tạo lập nên trời và đất của nhân vật thần Trụ Trời:
- + Quá trình tạo lập nên trời đất: Thần ở trong đám hỗn độn, mờ mịt, và bỗng có một lúc thần đứng dậy, ngẩng đầu đội trời lên, rồi tự mình đào đất, đập đá, đắp

thành một cái cột vừa cao, vừa to để chống trời, đẩy vòm trời lên mãi phía mây xanh mù mịt. Từ đó, trời đất phân đôi. Đất phẳng như cái mâm vuông, trời trùm lên như cái bát úp. Khi trời đã cao và đã khô, thần lại phá cột đi, lấy đất đá ném tung đi khắp nơi. Mỗi hòn đá văng đi, biến thành một hòn núi hay một hòn đảo; đất tung tóe ra mọi nơi thành gò, thành đồng, thành những dải đồi cao. Vì thế cho nên mặt đất ngày nay không bằng phẳng, mà có chỗ lồi, chỗ lõm. Chỗ thần đào đất, đào đá mà đắp cột ngày nay thành biển rộng.

II. Tìm hiểu chi tiết

1. Không gian, thời gian trong thần thoại

- Không gian: vũ trụ đang trong quá trình tạo lập: *Trời đất chỉ là một vùng hỗn độn, tối tăm, lạnh lẽo.*

- Thời gian: cổ sơ, không xác định và mang tính vĩnh hằng: *Thuở ấy, chưa có thế gian, cũng như có muôn vật và loài người.*

→ Các hình ảnh *đất phẳng như cái mâm vuông, trời trùm lên như cái bát úp, chỗ trời đất giáp nhau gọi là chân trời...* khá quen thuộc trong các thần thoại giải thích về nguồn gốc thế giới. Dù cách miêu tả không gian trời đất như thế trong thần thoại **không còn phù hợp với nhận thức thế giới của độc giả ngày nay nhưng nó vẫn có sức hấp dẫn riêng vì nó phản ánh cách hiểu của người xưa về thế giới thuở hoang sơ.** vì nó cho chúng ta hiểu người xưa, trong thế giới hoang sơ thuở ban đầu, đã hình dung về vũ trụ, thế giới như thế nào.

2. Nhân vật thần thoại

- Nhân vật: là một vị thần có hình dáng không lồ, sức mạnh phi thường để thực hiện công việc sáng tạo thế giới.

- *Thần Trụ Trời* được phác họa bằng những nét đơn giản: *Chân thần dài không thể tả xiết nên bước một bước là có thể từ vùng này đến vùng nọ, hay từ đỉnh núi này sang đỉnh núi khác; thần đứng dậy, ngẩng đầu là có thể đội trời lên.*

⇒ Phác họa những nét riêng của một vị thần Trụ Trời, có thể đội trời, đắp cột chống trời nên cũng khó lẫn với nhân vật khác.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Cốt truyện: đơn giản, ngắn gọn

2. Nội dung – Ý nghĩa

- Qua truyện *Thần Trụ Trời*, ta thấy người thời cổ nhận thức và lí giải về nguồn gốc của thế giới rất thô sơ.

- Thế giới là do một vị thần đắp cột chống trời mà tạo ra → cho thấy nhận thức thô sơ đó của người thời cổ, xem trọng công lao to lớn của các vị thần.

IV. LUYỆN TẬP

Câu 1. VB *Thần Trụ Trời* thuộc loại văn bản nào?

- A. Truyền thuyết
- B. Truyện cổ tích
- C. Thần thoại
- D. Sử thi

Câu 2. Đoạn văn dưới đây cho em liên tưởng đến truyền thuyết nào của người Việt?

Từ đó, trời đất mới phân đôi. Đất phẳng như cái mâm vuông, trời tròn lên như cái bát úp, chỗ trời đất giáp nhau gọi là chân trời.

- A. Lạc Long Quân – Âu Cơ
- B. Thánh Gióng
- C. Sự tích Hồ Gươm
- D. Sự tích bánh chưng, bánh giầy

Câu 3. Trong VB *Thần Trụ Trời*, tác giả đã nhắc đến những vị thần nào?

- A. Ông Đếm sao, ông Tát bể, ông Kể sao, ông Đào sông, ông Xây rú, ông Trụ Trời
- B. Ông Đếm sao, ông Tát bể, ông Đào sông, ông Xây rú, ông Trụ Trời.
- C. Ông Đếm sao, ông Tát bể, ông Kể sao, ông Đào sông, ông Xây rú.

D. Ông Tát bể, ông Kẽ sao, ông Đào sông, ông Xây rú, ông Trụ Trời.

Câu 4. Theo VB *Thần Trụ Trời*, vì sao mặt đất ngày nay không bằng phẳng, mà có chỗ lồi, chỗ lõm?

A. Do sự kiến tạo của Trái Đất.

B. Do chiếc trụ trời bị gãy.

C. Do thần phá cột trụ trời đi, lấy đất đá ném tung đi khắp nơi.

Câu 5. Theo VB *Thần Trụ Trời*, vị thần Trụ Trời sau này được gọi là gì?

A. Trời

B. Ngọc Hoàng

C. Cả A và B đều đúng

D. Thiên đế

PRÔ-MÊ-TÊ VÀ LOÀI NGƯỜI

(Thần thoại Hy Lạp)

I. Tìm hiểu chung

1. Thần thoại Hy Lạp

- Là tập hợp những câu chuyện của người Hy Lạp cổ đại về các vị thần, các anh hùng nhằm giải thích nguồn gốc của thế giới và ý nghĩa của các tín ngưỡng, nghi lễ tôn giáo.

- Thần thoại Hy Lạp có giá trị, sức sống bền bỉ, được nhiều lĩnh vực như triết học, hội họa, điện ảnh, kiến trúc, văn học,... khai thác về các đề tài, cốt truyện, nhân vật, sự việc.

2. Prô-mê-tê và loài người

- Là một câu chuyện trong thần thoại Hy Lạp.

3. Đọc, kể, tóm tắt : HS tự tóm tắt

Tóm tắt quá trình tạo nên con người và thế giới muôn loài:

Mặt đất còn vắng vẻ, buồn → hai thần xin tạo ra thêm các giống loài → Ê-pi-mê-tê tranh việc làm trước → mọi giống loài được tạo ra hoàn hảo nhưng do tính đấng trí của Ê-pi-mê-tê mà loài người chưa có vũ khí gì để tự vệ → Prô-mê-tê tái tạo cho con người đứng thẳng, có hình dáng thanh tao. Thần còn lấy lửa ban cho loài người.

II. Tìm hiểu chi tiết

1. Không gian, thời gian thần thoại

- Không gian: *Mặt đất mênh mông dường đã có khá nhiều vị thần cai quản song vẫn còn hết sức vắng vẻ.*

→ Không gian vũ trụ đang trong quá trình tạo lập.

- Thời gian: *Thuở ấy thế gian chỉ mới có các vị thần*

→ Thời gian cổ sơ, không xác định và mang tính vĩnh hằng.

2. Nhân vật thần thoại

- Ê-pi-mê-tê:

+ Khi được U-ra-nôx và Gai-a ưng thuận tạo cho thế gian thêm nhiều cái gì đó để cho cuộc sống đông vui: Ê-pi-mê-tê “*mừng quá, tranh ngay lấy việc đó và giao cho ông anh lo việc xem xét, sửa chữa lại sau.*”

+ Sau khi Prô-mê-tê đến xem xét lại, phải công nhận những gì Ê-pi-mê-tê đã làm “*đều tốt, rất tốt nữa là đằng khác*”.

→ Hí hửng, đam mê, tài giỏi, trách nhiệm nhưng vội vàng, thiếu sự cân trọng.

- Prô-mê-tê:

→ Việc miêu tả Prô-mê-tê và Ê-pi-mê-tê cho thấy thần linh có những tài năng, phép thuật mà con người không có nhưng thế giới thần linh cũng như thế giới loài người, có thần giỏi, nhìn xa trông rộng nhưng cũng có vị thần đấng trí, lơ đãng.

- **Nhân vật thần thoại trong Prô-mê-tê:**

+ Tạo tác hình dáng con người: “*thân hình đẹp để thanh tao, đứng thẳng đi*

bằng hai chân”.

- + Lấy lửa ban cho loài người để tự vệ
 - + Tạo ra sự sống muôn loài, đặc biệt là loài người
 - + Các vị thần được mô tả kĩ hơn về thái độ, tính cách, hành động.
- Nhân vật thần trong *Prô-mê-tê* và loài người mang tính “người” hơn.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Cốt truyện đơn giản, xoay quanh việc các vị thần tạo ra muôn loài và loài người như nhiều truyện thần thoại khác.

2. Nội dung

- *Prô-mê-tê* và loài người nói về nguồn gốc loài người và muôn loài (trong khi *Thần Trụ Trời* nói về nguồn gốc trời và đất).
- *Prô-mê-tê* và loài người cho thấy người Hy Lạp xưa quan niệm thế giới loài người và vạn vật do thần linh sáng tạo ra.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM. ĐI SAN MẶT ĐẤT

(Truyện của người Lô Lô, trích *Mẹ Trời, Mẹ Đất*)

I. Tìm hiểu chung

- *Đi san mặt đất* trích từ truyện *Mẹ Trời, Mẹ Đất* của người Lô Lô.

II. Tìm hiểu chi tiết

Câu 1. Đoạn trích nói về việc từ xưa lắm rồi, loài người đã rủ nhau đi san mặt đất để làm ăn vì: *Bầu trời nhìn chưa phẳng/ Mặt đất còn nhấp nhô.*

Câu 2. Loài người phải chung sức, chung lòng. Nếu chung sức, chung lòng thì việc gì cũng làm được. Con người đóng vai trò quan trọng trong việc cải tạo thiên nhiên, góp phần tạo ra thế giới.

Câu 3. Người Lô Lô xưa nhận thức về thế giới cũng còn khá thô sơ. Tuy nhiên, đoạn trích cũng cho thấy họ cũng đã hiểu vai trò của con người trong việc cải tạo

thiên nhiên để thiên nhiên phục vụ con người.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT. LỖI VỀ MẠCH LẠC, LIÊN KẾT TRONG ĐOẠN VĂN

I. Kiến thức về lỗi mạch lạc, liên kết trong đoạn văn

- Lỗi thiếu mạch lạc sẽ xảy ra nếu:
 - + Các câu trong đoạn không tập trung vào một chủ đề (lỗi lạc chủ đề)
 - + Nội dung nêu trong câu chủ đề không được triển khai đầy đủ trong đoạn văn (lỗi thiếu hụt chủ đề).
 - + Các câu trong đoạn không được sắp xếp theo một trình tự hợp lí.
- Lỗi liên kết sẽ xảy ra khi thiếu các phương tiện liên kết hoặc sử dụng các phương tiện liên kết chưa phù hợp.

II. Thực hành: Hoàn thành các BT trong SGK.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI. CUỘC TU BỒ LẠI CÁC GIỐNG VẬT
(Thần thoại Việt Nam)

I. Tìm hiểu chi tiết

1. Những đặc điểm chính

Những đặc điểm chính	Nhận xét (kèm bằng chứng, nếu có)
Nhân vật	- Thần: Ngọc Hoàng, Thiên thần. - Vật: muôn loài, nổi bật là vịt, chó, chiên chiên, đồ nách và ốc cua.

Không gian	- Vũ trụ: trời và núi (“xuống núi”, “lên trời”).
Thời gian	- Không được xác định bằng niên đại cụ thể. - Mang tính phiếm định: “Một hôm”, “những ngày lưu ở hạ giới”.
Cốt truyện	Ngọc Hoàng nặn ra vạn vật nhưng do thiếu nguyên liệu nên một số động vật có cấu tạo chưa đầy đủ □ Ngọc Hoàng sai 3 thiên thần xuống núi tu bổ, bù đắp cho những con vật nào mà cơ thể còn chưa được đầy đủ □ Các con vật đều tìm đến các thiên thần □ Khi tất cả các con vật đã ra về thì vịt và chó mới cùng đến xin 1 cặp chân □ Chiền chiện, đỗ nách và ốc cau cũng đến xin chân.
Nhận xét chung	Mang những đặc điểm của thần thoại.

2. So sánh với truyện *Prô-mê-tê và loài người*

	<i>Cuộc tu bổ lại các giống vật</i>	<i>Prô-mê-tê và loài người</i>
Giống	- Đều là thần thoại nói về việc tạo lập thế giới, cụ thể là sáng tạo muôn loài.	
Khác	Nhấn mạnh vào việc sáng tạo muôn loài và giải thích nguồn gốc các loài.	- Nhấn mạnh vào việc sáng tạo con người. - Nhân vật thần được miêu tả kĩ, mang đặc điểm của con người.

C. LUYỆN TẬP

Câu 1. Vì sao Ngọc Hoàng phái các vị Thiên thần mang nguyên liệu xuống núi?

- A. Vì các vị Thiên thần đã làm việc tắc trách khiến cho một số động vật có cấu tạo chưa đầy đủ.
- B. Vì một số động vật trong quá trình sinh sống đã bị gãy mất chân.
- C. Vì một số động vật có con thiếu cánh, có con thiếu chân.
- D. Vì lúc sơ khởi, một phần do thiếu nguyên liệu, một phần vì vội vàng muốn có một thế giới ngay trong một sớm một chiều nên có một số động vật có thể cấu tạo chưa được đầy đủ.

Câu 2. Khi đã phân phát hết nguyên liệu cho các giống vật, có những con vật nào đến xin Thiên thần những chiếc chân?

- A. Con vịt và con chó
- B. Chiền chiện, đò nách và ốc cau
- C. Con vịt, con chó, chiền chiện, đò nách và ốc cau
- D. Con vịt, con chó, chim sẻ, đò nách và ốc cau

Câu 3. Các dòng dõi loài chim giữ thói quen chơi với mấy lần để thử đặt chân trước khi đậu?

- A. Một lần
- B. Hai lần
- C. Ba lần
- D. Bốn lần

Câu 4. Vịt và chó, mỗi con đến xin các Thiên thần mấy chân?

- A. Một chân
- B. Hai chân
- C. Ba chân
- D. Bốn chân

Câu 5. Theo văn bản *Cuộc tu bổ lại các giống vật*, vì sao khi ngủ vịt và chó đều giơ một cẳng lên trên không?

- A. Vì đó là tập tính của loài vịt và chó
- B. Vì đó là do chúng mãi mới xin được một chân từ các Thiên thần, sợ bị chân gãy mất
- C. Vì chân đó được các Thiên thần bẻ tạm chân ghế chắp vào cho, nên sợ dây phải bunn nước lâu ngày mục đi
- D. Cả B và C đều đúng.

D. VẬN DỤNG

- Yêu cầu HS viết một đoạn văn nêu cảm nhận về VB *Cuộc tu bổ lại các giống vật*.

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT TRUYỆN KỂ

I. Tri thức kiểu bài

1. Kiểu bài

Phân tích, đánh giá một truyện kể: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật là kiểu bài nghị luận văn học dùng lí lẽ và bằng chứng để làm rõ đặc điểm, giá trị nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện kể như: thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn, truyện cười,...

2. Yêu cầu đối với kiểu bài

a. Về nội dung nghị luận:

- Xác định chủ đề và phân tích, đánh giá ý nghĩa, giá trị của chủ đề.
- Phân tích, đánh giá được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật như *cốt truyện, tình huống, sự kiện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật, người kể chuyện, điểm nhìn*,... và tác dụng của chúng trong việc thể hiện chủ đề của truyện kể.

b. Về kĩ năng nghị luận, bài viết cần đáp ứng các yêu cầu:

- Lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận của người viết về truyện kể.
 - Lí lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy lấy từ truyện kể.
 - Sử dụng các câu chuyển tiếp, các từ ngữ liên kết hợp lí để giúp người đọc nhận ra mạch lập luận.
 - Có các phần mở bài, thân bài, kết bài theo quy cách.
- Mở bài: giới thiệu truyện kể (tên tác phẩm, tác giả,...). Nêu khái quát các nội dung chính hay định hướng của bài viết.
- Thân bài: lần lượt trình bày các luận điểm làm nổi bật ý nghĩa, giá trị của chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.
- Kết bài: khẳng định lại giá trị của chủ đề và hình thức nghệ thuật của truyện kể; nêu ý nghĩa của tác phẩm đối với bản thân và người đọc.

ÔN TẬP

BT 1.

So sánh và nhận xét các văn bản truyện thần thoại *Thần Trụ Trời*, *Prô-mê-tê và loài người*, *Cuộc tu bổ lại các giống vật (đỉnh kèm bên dưới hoạt động)*.

BT 2. So sánh đặc điểm của thần thoại và truyện cổ tích:

* Đặc điểm của thần thoại:

- Không gian: không gian vũ trụ đang trong quá trình tạo lập, không xác định nơi chốn cụ thể.
- Thời gian: thời gian cổ sơ, không xác định và mang tính vĩnh hằng.
- Nhân vật: thường là thần, có sức mạnh phi thường để thực hiện công việc sáng tạo thế giới và sáng tạo văn hóa.
- Cốt truyện: thường là chuỗi sự kiện xoay quanh quá trình sáng tạo nên thế giới, con người và văn hóa của các nhân vật siêu nhiên.

*** Đặc điểm của truyện cổ tích:**

- Không gian: bao gồm không gian hiện thực (làng quê, gia đình, cung đình, núi rừng, biển đảo,...) và không gian huyền ảo (cõi tiên, cõi trời, thủy phủ, âm phủ,...).
- Thời gian: phiếm định (ngày xưa, ngày xưa).
- Nhân vật: kiểu nhân vật bất hạnh, nhân vật dũng sĩ, nhân vật thông minh,...
- Cốt truyện: thường có yếu tố hoang đường, kì ảo, mở bằng đầu bằng *Ngày xưa ngày xưa* và kết thúc có hậu.

BT 3.

- Thần Trụ Trời:

+ Tóm tắt:

Thần ở trong đám hỗn độn, mờ mịt, và bỗng có một lúc thần đứng dậy, ngẩng đầu đội trời lên, rồi tự mình đào đất, đập đá, đắp thành một cái cột vừa cao, vừa to để chống trời, đẩy vòm trời lên mãi phía mây xanh mù mịt.

Từ đó, trời đất phân đôi. Đất phẳng như cái mâm vuông, trời tròn lên như cái bát úp. Khi trời đã cao và đã khô, thần lại phá cột đi, lấy đất đá ném tung đi khắp nơi. Mỗi hòn đá văng đi, biến thành một hòn núi hay một hòn đảo; đất tung tóe ra mọi nơi thành gò, thành đồng, thành những dải đồi cao. Vì thế cho nên mặt đất ngày nay không bằng phẳng, mà có chỗ lồi, chỗ lõm. Chỗ thần đào đất, đào đá mà đắp cột ngày nay thành biển rộng.

+ Nhận xét về cách xây dựng nhân vật trong truyện: Vị thần mang tính khai thiên, lập địa, mang vóc dáng của thần.

- Prô-mê-tê và loài người:

+ Tóm tắt: Mặt đất còn vắng vẻ, buồn ò hai thần xin tạo ra thêm các giống loài ò Ê-pi-mê-tê tranh việc làm trước ò mọi giống loài được tạo ra hoàn hảo nhưng do tính đãng trí của Ê-pi-mi-tê mà loài người chưa có vũ khí gì để tự vệ ò Prô-mê-tê tái tạo cho con người đứng thẳng, có hình dáng thanh tao. Thần còn lấy lửa ban cho loài người.

+ Nhận xét về cách xây dựng nhân vật trong truyện: Vị thần sáng tạo ra muôn

loài, trong đó có loài người. Thần hiện lên với các đặc điểm của con người.

- Cuộc tu bổ lại các giống vật:

+ *Tóm tắt*: Ngọc Hoàng nặn ra vạn vật nhưng do thiếu nguyên liệu nên một số động vật có cấu tạo chưa đầy đủ □ Ngọc Hoàng sai 3 thiên thần xuống núi tu bổ, bù đắp cho những con vật nào mà cơ thể còn chưa được đầy đủ □ Các con vật đều tìm đến các thiên thần □ Khi tất cả các con vật đã ra về thì vịt và chó mới cùng đến xin 1 cặp chân □ Chiền chiện, đò nách và ốc cau cũng đến xin chân.

+ *Nhận xét về cách xây dựng nhân vật trong truyện*: Truyện không chỉ có nhân vật là thần mà còn có các nhân vật là loài vật. Thần đóng vai trò sáng tạo và tu bổ cho loài vật.

BT 4. Đặc điểm của kiểu bài nghị luận phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một truyện kể .

BT 5.

*** Khi giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một truyện kể cần lưu ý bài nói cần đáp ứng những yêu cầu cơ bản sau:**

- Phần mở đầu: Cần giới thiệu tên truyện kể và tên tác giả; trình bày những nhận xét, đánh giá khái quát về nội dung, nghệ thuật của truyện kể.

- Nội dung của bài nói cần trình bày ngắn gọn, rõ ràng ý kiến đánh giá về nội dung và nghệ thuật của truyện kể (có trích dẫn dẫn chứng từ VB để làm rõ cho ý kiến).

- Phần kết thúc: Cần tóm tắt ngắn gọn nội dung đã trình bày.

*** Khi trình bày bài nói, cần chú ý:**

- Trước khi nói, cần chào người nghe và giới thiệu tên mình.

- Trong khi nói, cần sử dụng cử chỉ, ánh mắt, ngữ điệu phù hợp với nội dung và tương tác với người nghe. Có thể kết hợp phương tiện trực quan để làm rõ nội dung trình bày.

- Sau khi nói, cần chào và cảm ơn người nghe.

BT 1. Bảng so sánh và nhận xét các văn bản truyện thần thoại *Thần Trụ Trời, Prô-mê-tê và loài người, Cuộc tu bổ lại các giống vật*

Văn bản	Các đặc điểm chính	Nhận xét chung về đặc điểm thể loại thần thoại
<i>Thần Trụ Trời</i>	- Không gian, thời gian - Nhân vật - Cốt truyện - Nội dung bao quát	- Không gian, thời gian: Không gian vũ trụ đang trong quá trình tạo lập, không xác định nơi chốn cụ thể. Thời gian cổ sơ, không xác định và mang tính vĩnh hằng. - Nhân vật: Là các vị thần nên có hình dáng khổng lồ, sức mạnh phi thường để thực hiện công việc sáng tạo thế giới. Nhân vật có tính cách đơn giản, một chiều. - Cốt truyện: Đơn giản, ngắn gọn, gồm những tình tiết xoay quanh việc các vị thần tạo lập thế giới, sáng tạo văn hóa. - Nội dung bao quát: Kể về quá trình tạo lập thế giới hay nguồn gốc loài người và muôn loài.
<i>Prô-mê-tê và loài người</i>	- Không gian, thời gian - Nhân vật - Cốt truyện - Nội dung bao quát	
<i>Cuộc tu bổ lại các giống vật</i>	- Không gian, thời gian - Nhân vật - Cốt truyện - Nội dung bao quát	

Bài 2. SÓNG CÙNG KÍ ỨC CỦA CỘNG ĐỒNG (SỬ THI)

VĂN BẢN 1. ĐẤM SĂN CHIẾN THẮNG MTAO MXÂY

(Trích *Đăm Săn*, sử thi Ê-đê)

Sử thi là một thể loại tự sự dân gian ra đời từ thời cổ đại, thường kết hợp lời thoại với văn xuôi, kể lại những sự kiện quan trọng trong đời sống của cộng đồng thông

qua việc tôn vinh, ca ngợi chiến công, kì tích của người anh hùng.

Thời gian – không gian sử thi

Thời gian sử thi thuộc về quá khứ “một đi không trở lại” của cộng đồng, thường gắn với xã hội cổ đại hoặc xã hội phong kiến.

Không gian sử thi thường mở ra theo những cuộc phiêu lưu gắn với các kì tích của người anh hùng.

Nhân vật anh hùng sử thi

Nhân vật người anh hùng sử thi hiện thân cho cộng đồng, thường hội tụ những đặc điểm nổi bật như:

- Sở hữu sức mạnh, tài năng, lòng dũng cảm phi thường
- Luôn sẵn sàng đối mặt với thách thức, hiểm nguy
- Lập nên những kì tích, uy danh lẫy lừng

Cốt truyện sử thi thường xoay quanh cuộc phiêu lưu và những kì tích của người anh hùng. Yếu tố kì ảo được sử dụng nhằm tô đậm tính phiêu lưu cùng những kì tích ấy.

Lời của người kể chuyện và lời của nhân vật sử thi

Trong văn bản sử thi, lời của người kể chuyện luôn thể hiện thái độ tôn vinh người anh hùng, tôn vinh cộng đồng. Lời của nhân vật người anh hùng thường được xem như một tiếng nói thiêng liêng và đầy quyền uy. Cả hai thành phần lời văn này, dù là văn vắn hay văn vần kết hợp với văn xuôi, thường giàu chất thơ.

Tình cảm, cảm xúc của tác giả sử thi

Tình cảm, cảm xúc của tác giả sử thi thường được bộc lộ qua tình cảm, cảm xúc của người kể chuyện hoặc của một nhân vật nào đó. Người đọc có thể nhận biết những tình cảm, cảm xúc ấy qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu,... trong văn bản sử thi.

Cảm hứng chủ đạo và cảm hứng chủ đạo trong sử thi

Cảm hứng chủ đạo là trạng thái tình cảm mãnh liệt, say đắm xuyên suốt tác phẩm văn học. Cảm hứng này gắn liền với tư tưởng, lập trường trong tác phẩm, tác động

mạnh mẽ đến người tiếp nhận. Trong văn bản sử thi, cảm hứng chủ đạo thường là cảm hứng ngợi ca người anh hùng, ngợi ca những phẩm chất của cộng đồng mà người anh hùng là đại diện.

Bối cảnh lịch sử - văn hóa

Bối cảnh lịch sử - văn hóa, xã hội là điều kiện, hoàn cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội có liên quan đến văn bản, là tri thức cần thiết cho việc đọc hiểu văn bản.

I. Tìm hiểu chung

1. Sử thi *Đăm Săn* (*Bài ca chàng Đăm Săn – Klei khan Đăm Săn*)

- Là bộ sử thi anh hùng của người Ê-đê, dài 2077 câu, gồm 7 chương.
- Thể hiện đậm nét truyền thống lịch sử, văn hóa của đồng bào Tây Nguyên.

2. Đoạn trích *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây*

- Thuộc chương IV của sử thi *Đăm Săn*.
- Đoạn trích kể chuyện tù trưởng Mtao Mxây lừa lúc Đăm Săn cùng dân làng đi vắng đã kéo người tới cướp phá buôn làng của chàng và bắt Hơ Nhị về làm vợ. Đăm Săn đánh Mtao Mxây để cứu vợ về.
- Bố cục: 3 phần:
 - + Trận đánh giữa Đăm Săn và Mtao Mxây
 - + Cảnh Đăm Săn cùng tôi tớ ra về sau chiến thắng
 - + Cảnh Đăm Săn ăn mừng chiến thắng.

II. Tìm hiểu chi tiết

1. Cuộc chiến giữa Đăm Săn và Mtao Mxây

- Đăm Săn khiêu chiến:
 - + Thách đấu: *Ta thách nhà ngươi đọ dao với ta*
 - + Đe dọa: *Ta sẽ lấy cái sàn hiên nhà ngươi ta bôi đôi, ta sẽ lấy cái cầu thang nhà ngươi ta chẻ ra*
 - + Sử dụng cách nói khinh miệt, coi thường:

- đến con lợn nái của nhà người dưới đất, ta cũng không thềm đâm nữa là
- đến con trâu của nhà người trong chuồng, ta cũng không thềm đâm nữa là

- Mtao Mxây đáp lại: run sợ, sợ Đăm Săn đâm lén, tần ngần, do dự, mỗi bước mỗi đắn đo.

- Diễn biến cuộc chiến (*đính kèm bên dưới hoạt động*).

□ Cuộc giao chiến cho thấy:

+ Bản lĩnh, tài năng của Đăm Săn

+ Sự kém cỏi, huênh hoang của Mtao Mxây

- Sự giúp đỡ của Hơ Nhị và ông Trời □ biểu tượng cho sự tiếp sức, ủng hộ của cộng đồng đối với người anh hùng của mình.

2. Cảnh Đăm Săn cùng tôi tớ ra về sau chiến thắng

- Đăm Săn đến từng nhà kêu gọi tôi tớ của Mtao Mxây đi theo mình. Số lần gọi: 3 lần (số 3 đại diện cho số nhiều, không tính xuể).

- Ba lần đối đáp:

+ Lần 1: Đăm Săn gõ vào 1 nhà.

+ Lần 2: Đăm Săn gõ vào tất cả các nhà.

+ Lần 3: Đăm Săn gõ vào mỗi nhà trong làng.

□ Cả 3 lần, dân làng đều ủng hộ, đi theo Đăm Săn. Mỗi người ra về đông và vui như đi hội.

□ Ý nghĩa:

+ Thể hiện sự thống nhất cao độ giữa quyền lợi, khát vọng của cá nhân anh hùng sử thi với quyền lợi, khát vọng của cộng đồng.

+ Thể hiện sự yêu mến, tuân phục của tập thể cộng đồng với cá nhân anh hùng.

3. Cảnh Đăm Săn ăn mừng chiến thắng

- Đăm Săn vui, vừa ra lệnh vừa mời mọc: “Hỡi anh em trong nhà! Xin mời tất cả mọi người đến với...”

- Quang cảnh: đông nghịt khách, tôi tớ chật ních cả ngà.

- Hình ảnh Đăm Săn:

+ Miêu tả hình dáng: tóc, ngực, tai, mắt, bắp đùi.

+ Miêu tả vẻ đẹp sức mạnh: như voi đực, hơi thở ầm ầm như sấm.

+ Miêu tả ăn uống: ăn không biết no, uống không biết say, trò chuyện không biết chán.

+ Uy danh: tiếng tăm lừng lẫy.

□ Vẻ đẹp của Đăm Săn được kết tinh từ sức mạnh, vẻ đẹp và phẩm chất của cộng đồng Ê-đê.

*** Nghệ thuật:**

- Trường đoạn dài, câu cảm thán, hô ngữ, kiểu so sánh trùng điệp, liệt kê sự vui sướng, tấp nập, giàu có.

□ Niềm vui, tự hào của cộng đồng được thể hiện qua nhân vật tôi tớ và qua ngôn ngữ kể chuyện.

□ Kể về chiến tranh mà lòng vẫn hướng về cuộc sống thịnh vượng, no đủ, giàu có, đoàn kết □ Khát vọng của cộng đồng gửi gắm vào người anh hùng.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Ngôn ngữ phù hợp với thể loại sử thi.

- Sử dụng hiệu quả lối miêu tả song hành, thủ pháp so sánh trùng điệp, phóng đại, đối lập, tăng tiến,...

2. Nội dung – Ý Nghĩa

- Ý nghĩa: Đoạn trích khẳng định sức mạnh và ngợi ca vẻ đẹp của người anh hùng Đăm Săn – người trọng danh dự, gắn bó với hạnh phúc gia đình và thiết tha với cuộc sống bình yên, phồn vinh của cộng đồng, xứng đáng là người anh hùng mang tầm vóc sử thi.

Diễn biến cuộc chiến

Hiệp	Đăm Săn	Mtao Mxây
1	Đứng xem Mtao Mxây múa, không nhúc nhích □ bình thản, bản lĩnh, có phần coi thường Mtao Mxây.	Múa khiên trước: lạch xạch như quả mướp khô □ bộc lộ rõ sự kém cỏi.
2	- Một lần xốc tới – vượt đồi tranh - Chạy vun vút qua phía đông, vun vút qua phía tây - Đăm Săn đã lấy được miếng trầu, sức mạnh tăng lên gấp bội	- Bước cao bước thấp chạy hết bãi tây sang bãi đông. - Đuổi sức, cầu cứu Hơ Nhị cho miếng trầu
3	- Múa khiên: múa trên cao, gió như bão; múa dưới thấp, gió như lốc. - Dùng cây giáo đâm vào Mtao Mxây nhưng đâm mãi không thủng.	- Mtao Mxây chỉ biết lẩn trốn, phòng thủ bằng lớp sắt của mình.
4	- Được thần linh giúp đỡ, Đăm Săn đuổi theo và giết chết kẻ thù. □ Chi tiết thần kì: được thần giúp đỡ	- Mtao Mxây bị đánh bại.

C. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hành động nào của Đăm Săn thể hiện tính cộng đồng?

- A. Gọi dân làng theo mình
- B. Đăm Săn mộng thấy ông trời.
- C. Gọi Mtao Mxây múa dao.
- D. Đăm Săn cúng thần linh.

Câu 2. Vật nào sau đây trong đoạn trích được xem là thần kì?

- A. Chày
- B. Công Hlong
- C. Miếng trầu
- D. Khiên

Câu 3. Ở đoạn trích *Chiến thắng Mtao Mxây* tác giả dân gian dành nhiều câu miêu tả cảnh ăn mừng chiến thắng hơn cảnh đổ máu trong giao tranh là vì sao?

- A. Họ không có mặt ở đó vì bận lao động sản xuất.
- B. Họ không am hiểu cách giao chiến giữa hai tù trưởng.
- C. Họ xem trọng cuộc sống thịnh vượng no đủ, sự lớn mạnh của cộng đồng.
- D. Họ không xem trọng cuộc giao tranh vì họ biết chắc tù trưởng của họ sẽ thắng.

Câu 4. Tại sao muốn chiến thắng Mtao Mxây mà Đăm Săn lại không nhân cơ hội đâm lên y?

- A. Vì sợ võ nghệ của Đăm Săn
- B. Vì trọng danh dự
- C. Vì dân làng Mtao Mxây ngăn cản
- D. Vì không có thời cơ thích hợp

Câu 5. Sau khi ăn miếng trầu của Hơ-Nhị quăng cho thì Đăm Săn như thế nào?

- A. Chàng múa khiên đẹp hơn
- B. Chàng trở nên nhanh nhẹn hơn
- C. Sức chàng tăng lên gấp bội
- D. Chàng càng mạnh mẽ hơn

VĂN BẢN 2. GẶP KA-RÍP VÀ XI-LA

I. Đọc, kể, tóm tắt

- Tóm tắt các sự kiện chính:

- + Ô-đi-xê và các thủy thủ lên đường vượt biển về quê và được báo trước là phải chuẩn bị tinh thần đối mặt với mọi nguy hiểm.
- + Các thủy thủ phải nhét sáp ong vào hai tai để tránh nghe tiếng hát ma mị của các nàng Xi-ren; riêng Ô-đi-xê được nghe hát nhưng phải trói mình vào cột

buồm để tránh nguy hiểm.

+ Tiếp đến, các thủy thủ tránh được Ka-ríp – quái vật giăng cạm bẫy khủng khiếp chực nhả chìm thủy thủ xuống đáy biển, nhưng lại rơi vào cạm bẫy của quái vật Xi-la: sáu thủy thủ – những tay chèo khỏe nhất của Ô-đi-xê – bị ăn thịt.

+ Ô-đi-xê tận mắt chứng kiến đồng đội gặp nạn, nhưng không có cách nào cứu giúp họ, chàng vô cùng thương xót.

- **Ngôi kể:** ngôi kể thứ nhất. Tác dụng:

+ Người kể chuyện – nhân vật chính có cơ hội tự bộc lộ tính cách, tâm trạng, cách giao thiệp của mình.

+ Gia tăng độ tin cậy bởi người kể là người trong cuộc, tự kể trải nghiệm của mình.

+ Với Ô-đi-xê, kể câu chuyện về hành trình, thử thách và tai họa của mình là cách duy nhất để thuyết phục và chờ đợi sự cứu giúp của nhà vua, hoàng hậu, công chúa của quốc đảo Phê-ki-a. Câu chuyện, cách kể của chàng đã làm họ xúc động và kính yêu, sau đó, chàng nhận được sự giúp đỡ rất nhiệt tình, hậu hĩnh.

II. Tìm hiểu chi tiết

1. Những yếu tố bất ngờ

Luôn luôn có những sự cố bất ngờ xảy ra trên hành trình vượt biển trở về quê hương của Ô-đi-xê. Tất cả đều là thử thách cho thấy bản lĩnh, tính cách của người anh hùng Hy Lạp, sau chiến tranh thành Tơ-roa.

2. Hình tượng quái vật biển Ka-ríp, Xi-la

- Xi-la: bỗng bắt mất trong thuyền sáu tay chèo khỏe nhất → chỉ còn thấy chân tay họ giã giụa trên không.

- Ka-ríp:

+ Ùng ục ngón nước biển.

+ Mỗi lần nhả nước ra, cả biển khơi đều chuyển động, sôi lên như nước trong chảo đặt trên bếp lửa hồng, bọt nước phun lên cao và rơi xuống cả hai dãy núi.

+ Khi nuốt nước vào, làm biển sùng sục cuộn lên; vách đá xung quanh kêu réo

ghê sợ, và đáy biển lộ ra với mặt cát đen thẫm.

→

- Là sáng tạo của Hô-me-rơ dựa trên trí tưởng tượng và nghệ thuật hư cấu độc đáo của ông.
- Là biểu tượng cho những bí ẩn ghê gớm của đại dương. Nó cũng dựa trên những nhận thức về sự bí ẩn, nguy hiểm của người đi biển Hy Lạp thời bấy giờ.
- Cho thấy những kiến thức của Hô-me-rơ về lịch sử, văn hóa, xã hội của thời đại mình. Chẳng hạn: nghiên cứu sơ đồ biển cùng các tài liệu miêu tả hải trình (các chuyến vượt biển), tìm hiểu các vùng nước, xoáy nước, sóng ngầm nguy hiểm và kĩ thuật hàng hải thời ấy,...
- Trong khi thể hiện khát vọng chinh phục biển cả, mở mang bờ cõi về phía biển Tây của người Hy Lạp cổ đại, VB sử thi cũng cho thấy cái giá tất yếu phải trả khi thực hiện khát vọng ấy.

3. Bản lĩnh của Ô-đi-xê

- Trí dũng phi thường, được nhiều vị thần trợ giúp (Chi tiết: Ô-đi-xê được Xi-éc-xê giúp đỡ vượt qua sự quyến rũ của các Xi-ren,...)
- Biết cách động viên mọi đồng đội hợp lực vượt qua thử thách hiểm nguy (Chi tiết: Ô-đi-xê biết cách khích lệ lòng can đảm của các thủy thủ khi sắp sa vào cạm bẫy của Ka-ríp và Xi-la).

→ Phẩm chất của người lãnh đạo thể hiện bản lĩnh của người anh hùng trước các tình huống thử thách đòi hỏi tập hợp sức mạnh của tập thể. Hình tượng nhân vật Ô-đi-xê cho thấy tác giả sử thi đặc biệt đề cao trí tuệ và sự khôn khéo của người anh hùng sử thi.

→ Qua *Odice*, người Hi Lạp gửi gắm khát vọng chinh phục biển cả, chế ngự tự nhiên, khai phá các vùng đất mới.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Thể loại tự sự dân gian kết hợp thơ với văn xuôi.

- Sử dụng ngôi kể thứ nhất, giúp người kể chuyện – nhân vật chính có cơ hội tự bộc lộ tính cách, tâm trạng, cách giao thiệp của mình; gia tăng độ tin cậy bởi người kể là người trong cuộc, tự kể trải nghiệm của mình,...

2. Nội dung

- Cảm hứng chủ đạo của VB *Gặp Ka-ríp và Xi-la*: Ca ngợi trí tuệ và bản lĩnh của Ô-đi-xê trong vai trò người lãnh đạo thủy thủ đoàn đối phó với cạm bẫy nguy hiểm của các quái vật biển như Ka-ríp và Xi-la trên hành trình vượt biển cả để trở về quê hương.

III. LUYỆN TẬP

Em hãy chuyển thể văn bản *Gặp Ka-ríp và Xi-la* thành kịch bản và diễn kịch.

VI. VẬN DỤNG

Vận dụng kiến thức đã học về VB *Gặp Ka-ríp và Xi-la* để viết đoạn văn.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM. NGÔI NHÀ TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI Ê-ĐÊ

I. Tìm hiểu chi tiết

Câu 1. Từ hình minh họa, những chi tiết mà văn bản đề cập:

- Nhà dài
- Vật liệu làm sàn: gỗ
- Vật liệu làm mái: tranh
- Cầu thang: gia đình giàu có, có hai cầu thang để lên xuống gồm cầu thang đực và cầu thang cái. Trên cầu thang cái có hình ảnh bầu sữa mẹ và vàng trắng khuyết còn cầu thang đực không có hoa văn chạm khắc nhiều, chỉ là một cây gỗ sau đó chạm khắc những bậc để lên xuống.

(*hình ảnh vàng trắng khuyết: khát vọng thịnh vượng, no đủ).

Câu 2.

Ngôi nhà và sinh hoạt của người Ê-đê được miêu tả trong VB *Ngôi nhà truyền thống của người Ê-đê* gợi nhớ chi tiết trong văn bản *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây*:

- Chi tiết miêu tả nhà của Mtao Mxây: “Nhà Mtao Mxây cột sàn hiên dẽo hình mặt trăng, đầu cầu thang dẽo dẽo hình chim ngói. Ngôi nhà của lão tù trưởng nhà giàu này quả là đẹp thật. Cầu thang rộng một lá chiếu, người nối đuôi nhau lên xuống mà khiêng một ché đuê vẫn không sợ chật”.
- Chi tiết Đăm Săn thách đấu với Mtao Mxây: “Xuống, diêng! Xuống, diêng! Người không xuống ư? Ta sẽ lấy cái sà hiên của nhà người ta bỏ đôi, ta sẽ lấy cái cầu thang của nhà người chẻ ra kéo lửa, ta hun cái nhà của người cho mà xem!”.

II. LUYỆN TẬP

Câu 1. Theo VB *Ngôi nhà truyền thống của người Ê-đê*, đối với gia đình giàu có ngày xưa, có mấy cái cầu thang chính?

- A. Một cái
- B. Hai cái
- C. Ba cái
- D. Bốn cái

Câu 2. Theo VB *Ngôi nhà truyền thống của người Ê-đê*, nhìn từ xa, ngôi nhà có hình dáng như thế nào?

- A. Hình dáng của cái ống
- B. Hình dáng một con rồng có vây cá
- C. Hình dáng con rùa
- D. Hình dáng cái thuyền

Câu 3. Người Ê-đê theo chế độ...

- A. Mẫu hệ
- B. Phụ hệ

Câu 4. Người Ê-đê thường làm nhà theo hướng nào?

- A. Đông – Tây

- B. Bắc – Nam
- C. Đông Bắc – Tây Nam
- D. Tây Bắc – Đông Nam

Câu 5. Cửa phía trước trong nhà dài của người Ê-đê dành cho ai?

- A. Phụ nữ
- B. Khách
- C. Nam giới
- D. Cả B và C đều đúng

+ Đoạn 2: Hoa văn chạm khắc trong nhà của người Ê-đê.

+ Đoạn 3: Cầu thang của người Ê-đê.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. Cách đánh dấu phân bị tỉnh lược trong văn bản

Khi tạo lập văn bản, người viết có thể sử dụng một số cách thức dưới đây để đánh dấu phân bị tỉnh lược trong văn bản:

- Dùng kí hiệu dấu chấm lửng đặt trong ngoặc đơn (...) **khi tỉnh lược có tóm tắt (chọn đoạn đầu VB1) hoặc móc vuông [...] khi lược bỏ không có tóm tắt. (Chọn đoạn tr. 40 (Văn bản 1))**

- Dùng cụm từ chỉ báo về sự tỉnh lược như: lược dẫn, lược một đoạn,..
- Dùng một đoạn ngắn tóm tắt nội dung phần bị tỉnh lược.
- Kết hợp một số cách nêu trên

II. Cách chú thích trích dẫn và ghi cước chú

- Chú thích trích dẫn là ghi rõ nguồn/ xuất xứ của tài liệu (tên tác giả, tên tài liệu, nhà xuất bản, năm xuất bản, trang được trích dẫn,...) mà người viết sử dụng.

Khi trích dẫn nguyên văn, phần trích dẫn cần chính xác từng câu, từng chữ,... và phải được đặt trong dấu ngoặc kép. → **trích dẫn trực tiếp.**

Khi trích dẫn ý tưởng, chúng ta không sử dụng dấu ngoặc kép, có thể diễn đạt theo cách viết của mình nhưng cần đảm bảo đúng nội dung của bản gốc. → **trích dẫn**

gián tiếp.

- *Cước chú* là chú thích thường đặt ở cuối trang trong một quyển sách hoặc văn bản.

Thực hiện BT5 → SGK tr.91.

III. LUYỆN TẬP

Hoàn thành các BT trong SGK.

Gợi ý:

STT	Văn bản	Kí hiệu/cách đánh dấu tỉnh lược	Chỗ đánh dấu sự tỉnh lược
1	<i>Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây</i>	- Dùng một đoạn ngắn tóm tắt nội dung phần bị tỉnh lược. - Dùng kí hiệu chấm lửng đặt trong móc vuông [...].	- Phần đầu văn bản, ngay trước đoạn <i>Nhà Mtao Mxây cột sàn hiên đẽo hình mặt trăng...</i> - Giữa văn bản, ngay trước đoạn <i>Đoàn người đông như bầy cà tong...</i>
2	<i>Gặp Ka-ríp và Xi-la</i>	- Dùng một đoạn ngắn tóm tắt nội dung phần bị tỉnh lược.	- Phần đầu văn bản, ngay trước đoạn <i>Nàng nói vậy, và liền khi đó...</i>

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI. ĐĂM SĂN ĐI CHINH PHỤC NỮ THẦN MẶT TRỜI

I. Tìm hiểu chung

- VB *Đăm Săn đi chinh phục nữ thần Mặt Trời* thuộc sử thi *Đăm Săn* của người Ê-đê.

- Nguồn dẫn: trích *Đăm Săn*, in trong *Sử thi Ê-đê*, Nhiều tác giả, Nguyễn Hữu Thuần dịch và chú thích, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1988, tr. 210 – 214.

- Vị trí VB (đoạn trích): nằm phía sau đoạn trích *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây*.

II. Tìm hiểu chi tiết

1. Đặc điểm cốt truyện sử thi được thể hiện trong VB

Đặc điểm cốt truyện sử thi	Thể hiện trong VB <i>Đăm Săn đi chinh phục nữ thần Mặt Trời</i>
Quan hệ xung đột giữa con người với thần quyền	Đăm Săn – đại diện cho con người. Nữ thần Mặt Trời – đại diện cho thần quyền. □ Đăm Săn đi chinh phục nữ thần Mặt Trời thể hiện xung đột của con người với thần quyền và khát khao làm chủ tự nhiên.
Các sự kiện xoay quanh cuộc phiêu lưu và những kì tích của nhân vật chính	Liên quan đến vấn đề không gian sử thi thường mở ra theo những cuộc phiêu lưu gắn với các kì tích của người anh hùng. Ở đây là chuyện phiêu lưu của Đăm Săn, không gian mở ra từ cuộc sống con người nơi trần thế đến cuộc sống của các vị thần nhà trời. Các sự kiện trong cốt truyện xoay quanh cuộc phiêu lưu này.
Yếu tố kì ảo	- Hơ Kung và Y Đu trốn vào mặt trăng, mặt trời, cai quản chúng. - Cuộc sống của các vị thần,...

2. Đặc điểm nhân vật sử thi được thể hiện trong VB

Đăm Săn mang đặc điểm của nhân vật sử thi:

- Sở hữu sức mạnh, tài năng, lòng dũng cảm phi thường:

+ *đi hết rừng rậm đến núi xanh, cõ tranh xé tay, gai mây đâm chân, không màng ăn uống*

+ *vươn người trên sàn hiên thi trong nhà người ta đã nghe; dậm chân bước trên sàn hiên thì người ta đã thấy*

- Luôn sẵn sàng đối mặt với thách thức, hiểm nguy: phiêu lưu, mạo hiểm, bất chấp mọi lời can nãg, vượt qua bao thử thách để đến cầu hôn nữ thần Mặt Trời.

3. Đặc điểm thái độ, cảm xúc của người kể chuyện sử thi được thể hiện trong VB

- Niềm cảm phục, tự hào về người anh hùng khi kể về hành trình của Đăm Săn: chàng đã đến được nơi mình muốn đến nhờ khát vọng, ý chí bản lĩnh và sức mạnh phi thường.

- Niềm thương tiếc Đăm Săn nhưng không nhuộm màu bi lụy (bởi người kể chuyện luôn tin vào sự bất diệt, khả năng tái sinh của cộng đồng sẽ được kể tiếp trong phần cuối của sử thi).

Câu 1. Trong VB *Đăm Săn đi chinh phục nữ thần Mặt Trời*, Đăm Săn đã nhắc thấy bóng đàn ông một người và bóng đàn bà một người. Đó là những ai?

- A. Mtao Mxây và Hơ Nhị
- B. Mtao Mxây và nữ thần Mặt Trời
- C. Cha của nữ thần Mặt Trời và nữ thần Mặt Trời
- D. Hơ Kung và Y Đu

Câu 2. Nữ thần Mặt Trời từ chối lời cầu hôn của Đăm Săn vì điều gì?

- A. Vì Đăm Săn đã có vợ
- B. Vì nàng là con của Trời còn Đăm Săn là người phạm
- C. Vì Đăm Săn chưa đủ chân thành
- D. Cả A và B đều đúng

Câu 3. Nhà của nữ thần Mặt Trời trông như thế nào?

- A. Nhà đông nghịt khách, tời tở chật ních cả nhà ngoài.
- B. Cột sàn hiên đeo hình mặt trăng, đầu cầu thang đều đeo hình chim ngói.
- C. Cầu thang trông như cái cầu vòng. Cối giã gạo bằng vàng, chày cũng bằng vàng, trông cứ lấp la lấp lánh. Tòa nhà dài dằng dặc, voi đứng vây chặt sàn hiên, chiêng xếp đầy nhà ngoài, công chất đầy nhà trong, tời trai tở gái như

con ong đi lấy nước, như vò vẽ đi chuyển hoa, các xà ngang, xà dọc đều dát vàng.

D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 4. Vì sao Đăm Săn cầu hôn nữ thần Mặt Trời?

A. Vì đó là khát vọng chinh phục thiên nhiên của người Ê-đê gửi gắm vào hình tượng Đăm Săn.

B. Vì Đăm Săn muốn có hai vợ lẽ, muốn cả ba vợ đều là những nàng tiên xinh đẹp, muốn đưa nữ thần Mặt Trời xuống trần làm chị làm em với Hơ Nhị, Hơ Bhi.

C. Vì Đăm Săn muốn người Khơ-me, người Lào sẽ theo mình.

D. Cả A và B đều đúng.

Câu 5. Để ra gặp mặt Đăm Săn, nữ thần Mặt Trời đã ăn vận như thế nào?

A. Mặc một váy ánh như sét, loáng như chớp. Mái tóc vén bên tai.

B. Bỏ váy cũ, mặc váy mới. Chiếc váy có hình điều bay ó liêng.

C. Mặc một váy ánh như sét, loáng như chớp, có hình điều bay ó liêng. Mái tóc vén bên tai.

D. Mặc yên bộ váy cũ ra gặp Đăm Săn.

ĐÁP ÁN:

1	2	3	4	5
D	D	C	D	A

IV. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- Hoàn thành BT sáng tạo: *Hình tượng Mặt Trời trong thần thoại, sử thi hoặc một số tác phẩm thơ ca nổi tiếng thường là biểu tượng cho những gì cao quý, tốt đẹp như sự khai sáng, sự tái sinh, vẻ đẹp hoàn hảo, vĩnh hằng,... Lấy cảm hứng từ một trong những ý nghĩa biểu tượng ấy, bạn hãy làm một bài thơ, vẽ một bức tranh hoặc dựng một hoạt cảnh,...*

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

I. Tri thức về kiểu bài

1. Kiểu bài

Văn bản nghị luận một vấn đề xã hội là kiểu văn bản dùng lí lẽ, bằng chứng để bàn luận và làm sáng tỏ về một vấn đề xã hội (một ý kiến, một tư tưởng đạo lí hay một hiện tượng xã hội), giúp người đọc nhận thức đúng về vấn đề và có thái độ, giải pháp phù hợp đối với vấn đề đó.

2. Yêu cầu đối với kiểu bài

- Nêu và giải thích được vấn đề nghị luận.
 - Trình bày ít nhất hai luận điểm về vấn đề xã hội; thể hiện rõ ràng quan điểm, thái độ (khẳng định/ bác bỏ) của người viết; hướng người đọc đến một nhận thức đúng và có thái độ, giải pháp phù hợp trước vấn đề xã hội. Liên hệ thực tế, rút ra ý nghĩa của vấn đề.
 - Sử dụng được các bằng chứng thực tế tin cậy nhằm củng cố cho lí lẽ.
 - Sắp xếp luận điểm, lí lẽ theo trình tự hợp lí.
 - Diễn đạt mạch lạc, khúc chiết, có sức thuyết phục.
 - Có các phần: mở bài, thân bài, kết bài theo quy cách của kiểu bài.
- + Mở bài: nêu vấn đề xã hội cần nghị luận; sự cần thiết bàn luận về vấn đề.
- + Thân bài: trình bày ít nhất hai luận điểm chính nhằm làm rõ ý kiến và thể hiện quan điểm, thái độ của người viết (trước các biểu hiện đúng/ sai/ tốt/ xấu); sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.
- + Kết bài: khẳng định lại tầm quan trọng hay ý nghĩa của vấn đề cùng thái độ, lập trường của người viết.

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Mở bài

- Giới thiệu vấn đề nghị luận.

Thân bài

- Giải thích
- Phân tích:
 - + Thực trạng
 - + Nguyên nhân
 - + Hậu quả
 - + Biện pháp khắc phục
- Chứng minh (đưa ra 01 dẫn chứng)
- Bình luận:
 - + Phê phán
 - + Liên hệ

Kết bài

- Khẳng định lại vấn đề nghị luận
- Nêu ý nghĩa của vấn đề

ÔN TẬP

BT 1. Bảng tóm tắt các nội dung chính của các văn bản

TT	Văn bản	Nội dung chính
1	<i>Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây</i> (trích sử thi <i>Đăm Săn</i>)	Hơ Nhị, vợ của Đăm Săn bị Mtao Mxây bắt cóc. Đăm Săn cùng dân làng đi đánh Mtao Mxây để cứu vợ. Qua các hiệp đấu, Mtao Mxây thể hiện là một kẻ nhát gan, chỉ biết phòng thủ. Đăm Săn với sự giúp đỡ của thần linh đã giành chiến thắng oanh liệt. Tất cả tội tở, buôn làng của Mtao Mxây đã đều đi theo Đăm Săn.
2	<i>Gặp Ka-ríp và Xi-la</i> (trích sử thi <i>Ô-đi-xê</i>)	Hành trình trở về quê hương và giao chiến với những quái vật biển là Ka-ríp và Xi-la của Ô-đi-xê cùng những người bạn đồng hành là các thủy thủ.
3	<i>Đăm Săn đi</i>	Đăm Săn đi chinh phục nữ thần Mặt Trời. Chàng trải

	<i>chinh phục nữ thần Mặt Trời</i> (trích sử thi <i>Đăm Săn</i>)	qua các thử thách và đến được nhà nữ thần Mặt Trời để cầu hôn nhưng bị nữ thần từ chối. Nữ thần Mặt Trời khuyên chàng đợi một lúc rồi mới về nhưng chàng không nghe mà ra về luôn. Dưới sức nóng của mặt trời, đất biến thành bùn lầy khiến cho ngựa của Đăm Săn không thể nào đi được nữa.
--	--	---

BT 2. Bảng đặc điểm nhân vật sử thi biểu hiện qua nhân vật Đăm Săn và nhân vật Ô-đi-xê

Đặc điểm nhân vật sử thi	Biểu hiện qua nhân vật Đăm Săn	Biểu hiện qua nhân vật Ô-đi-xê
a. Sở hữu sức mạnh, tài năng, lòng dũng cảm phi thường.	Ví dụ: Sức mạnh và tài múa khiên vượt trội.	Ví dụ: Trí tuệ sáng suốt, khả năng thuyết phục, động viên đồng đội của người chỉ huy.
b. Có đủ ý chí và sức mạnh vượt qua mọi thách thức, hiểm nguy.	Ví dụ: Vượt qua các thử thách; đấu khẩu, đấu võ với Mtao Mxây; khó khăn trong việc triệt hạ Mtao Mxây.	Ví dụ: - Dặn dò các bạn chỉ để mình bản thân Ô-đi-xê nghe những lời hát mê hoặc của cá yêu nữ hung ác. - Mặc áo giáp, nắm trong tay hai ngọn lao dài để chuẩn bị chiến đấu
c. Lập nên những kì tích, uy danh lẫy lừng.	Ví dụ: kì tích chiến thắng Mtao Mxây, uy danh “vang đến thần núi”.	Ví dụ: Nổi tiếng với mưu “con ngựa gỗ”, được các nàng Xi-ren gọi: “Hoix Ô-đi-xê nức tiếng gần xa, quang vinh vô tận của người A-cai”.